**BÀI 42: QUẦN THỂ SINH VẬT.**

**I. TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1. (NB) Khái niệm về quần thể sinh vật:**

A. Quần thể sinh vật bao gồm các cá thể khác loài, cùng sống trong 1 khoảng ko gian nhất định, ở 1 thời điểm nhất định và có khả năng sinh sản tạo thành những thế hệ mới.

B. Quần thể sinh vật bao gồm các cá thể cùng loài, cùng sống trong nhiều khoảng ko gian khác nhau, ở các thời điểm khác nhau và có khả năng sinh sản tạo thành những thế hệ mới.

C. Quần thể sinh vật là tập hợp các cá thể cùng loài, cùng sống trong một khoảng không gian nhất định, ở một thời điểm nhất định và có khả năng sinh sản tạo thành những thế hệ mới.

D. Quần thể sinh vật bao gồm các cá thể khác loài, cùng sống trong 1 khoảng ko gian nhất định, ở 1 thời điểm nhất định và không có khả năng sinh sản tạo thành những thế hệ mới.

**Câu 2(NB): Ví dụ nào là một quần thể sinh vật trong số các ví dụ sau?**

A. Tập hợp một số các cá thể rắn hổ mang, cú mèo, lợn rừng trong rừng mưa nhiệt đới.

B. Rừng cây thông nhựa phân bố ở vùng Đông Bắc Việt Nam.

C. Tập hợp một số các cá thể cá chép, cá rô phi, cá mè sống chung trong một cái ao.

D. Các cá thể rắn hổ mang sống ở 3 hòn đảo cách xa nhau.

**Câu 3(NB): Quần thể gồm những thành phần nhóm tuổi nào?**

A. Nhóm tuổi trước sinh sản và nhóm tuổi sinh sản.

B. Nhóm tuổi sinh sản và nhóm tuổi sau sinh sản.

C. Nhóm tuổi sau sinh sản và nhóm tuổi trước sinh sản.

D. Nhóm tuổi trước sinh sản, nhóm tuổi sinh sản và nhóm tuổi sau sinh sản.

**Câu 4(NB): Có những dạng tháp tuổi nào để biểu diễn thành phần nhóm tuổi trong quần thể?**

A. Dạng phát triển và dạng ổn định. B. Dạng ổn định và dạng giảm sút.

C. Dạng phát triển, dạng giảm sút và dạng ổn định. D. Dạng giảm sút và dạng phát triển.

**Câu 5(NB): Một số đặc trưng của quần thể SV được đề cập trong KHTN 8 là gì?**

A. Tỉ lệ giới tính, thành phần nhóm tuổi.

B. Thành phần nhóm tuổi, mật độ quần thể.

C. Mật độ quần thể, tỉ lệ giới tính.

D. Tỉ lệ giới tính, mật độ quần thể, thành phần nhóm tuổi, kích thước quần thể.

**Câu 6 ( TH): Trong tự nhiên, đặc trưng nào sau đây không phải là đặc trưng để phân biệt các quần thể với nhau?**

A. Tỉ lệ giới tính. B. Thành phần nhóm tuổi.

C. Kích thước cá thể đực. D. Mật độ .

**Câu 7( TH): Các cá thể trong quần thể động vật cạnh tranh với nhau những gì?**

A. Thức ăn. B. Chỗ ở.

C. Tranh giành con cái giữa các con đực với nhau. D. Cả A, B, C.

**Câu 8( TH): Đặc trưng nào sau đây chi phối các đặc trưng khác của quần thể?**

A. Khả năng sinh sản. B. Mức tử vong của cá thể.

C. Mật độ cá thể. D. Tỉ lệ đực cái.

**Câu 9 ( VD): "Khả năng sinh sản của các cá thể quyết định mức sinh sản của quần thể"** **là ý nghĩa sinh thái của thành phần nhóm tuổi nào sau đây của quần thể sinh vật.**

A. Nhóm tuổi sinh sản . B. Nhóm tuổi sau sinh sản.

C. Nhóm tuổi trước sinh sản. D. Cả A, B, C.

**Câu 10 (VD): Giữa các cá thể chuột trong quần thể có ảnh hưởng lẫn nhau thông qua mối quan hệ nào sau đây?**

A. Quan hệ khác loài. B. Quan hệ cùng loài.

C. Quan hệ giữa các cá thể chuột với môi trường. D. Cả A, B, C.

**II. TỰ LUẬN**

**Câu 1: ( NB) Nêu khái niệm quần thể sinh vật, lấy ví dụ?**

- Quầnthể là tập hợp các cá thể cùng loài, cùng sống trong một khoảng không gian nhất định, ở một thời điểm nhất định và có khả năng sinh sản tạo thành những thế hệ mới.

- Ví dụ: + Tập hợp các cá thể Voi sống trong rừng rậm Châu phi.

 + Tập hợp các cá thể cá chép sống trong một cái ao.

**Câu 2 ( TH) Nêu các đặc trưng cơ bản của quần thể, đặc trưng nào quan trọng nhất, vì sao?**

- Cácđặc trưng cơ bản của quần thể: Kích thước quần thể, Mật độ cá thể trong quần thể, Tie lệ giới tính, Nhóm tuổi.

- Đặc trưng mật độ là cơ bản nhất vì nó chi phối các đặc trưng còn lại, nó ảnh hưởng đến mức sinh sản, tử vong.

**Câu 3 ( TH): Hãy nêu ý nghĩa sinh thái của các thành phần nhóm tuổi trong quần thể.**

Quần thể có nhiều nhóm tuổi, mỗi nhóm tuổi có ý nghĩa sinh thái khác nhau.

|  |  |
| --- | --- |
| Các nhóm tuổi | Ý nghĩa sinh thái |
| Nhóm tuổi trước sinh sản | Các cá thể lớn nhanh, nhóm này có vai trò chủ yếu trong việc tăng sinh khối cho quần thể. |
| Nhóm tuổi sinh sản | Khả năng sinh sản của các cá thể quyết định mức sinh sản của quần thể. |
| Nhóm tuổi sau sinh sản | Các cá thể không còn khả năng sinh sản nên hầu như không ảnh hưởng đến sự phát triển của quần thể |

**Câu 4( TH) : Môi trường có ảnh hưởng như thế nào tới quần thể sinh vật?**

Các điều kiện sống của môi trường như khí hậu, thổ nhưỡng, thức ăn, nơi ở… thay đổi sẽ dẫn tới sự thay đổi số lượng cá thể của quần thể.

Khi môi trường có điều kiện sống thuận lợi thì số lượng cá thể trong quần thể tăng cao làm tăng mật độ cá thể của quần thể. Tuy nhiên, nếu số lượng cá thể tăng quá cao, nguồn thức ăn trở nên khan hiếm, thiếu nơi ở và nơi sinh sản thì nhiều cá thể sẽ bị chết. Mật độ quần thể được điều chỉnh về mức cân bằng.

**Câu 5 (VD):** **Thế nào là mật độ quần thể. Ví dụ? Tác động của mật độ đến khả năng khai thác nguồn sống của quần thể?**

Mật độ quần thể là số lượng hay khối lượng sinh vật có trong một đơn vị diện tích hay thể tích.

Ví dụ:

+ Mật độ cây cam: 500 cây/ha đồi.

+ Mật độ cá trám: 3 con/m3 nước ao nuôi..

Mật độ quần thể thay đổi theo mùa, theo năm và phụ thuộc vào chu kì sống của sinh vật. Mật độ quần thể tăng khi nguồn sống trong quần thể dồi dào; mật độ quần thể giảm mạnh do các biến động bất thường của điều kiện sống như lụt lội, cháy rừng, dịch bệnh.

Mật độ ảnh hưởng tới mức độ sử dụng nguồn sống trong môi trường, tới khả năng sinh sản và tò vong của cá thể trong quần thể.

+ Khi mật độ cá thể tăng quá cao, các cá thể cạnh tranh nhau gay gắt giành thức ăn, nơi ở..I dẫn tới tỉ lệ tử vong cao.

+ Khi mật độ giảm, thức ăn dồi dào thì ngược lại, các cá thể trong quần thể tăng cường hỗ trợ nhau, dẫn tới khả năng sinh sản trong quần thể tăng.

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

https://www.facebook.com/groups/vnteach/

https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/